

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI THÀNH PHÁT VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI THÀNH PHÁT VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400980050

3. Ngày thành lập: 13/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đông Tiến, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0856951722

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Trừ gia công cơ khí,tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ gia công cơ khí,tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ gia công cơ khí,tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm đại lý đấu giá mô tô ,xe máy loại mới và đã qua sử dụng)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Trừ gia công cơ khí,tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá, đại lý chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, tư vấn pháp luật)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm động vật hoang dã, động vật quý hiếm) (Không hoạt động tại trụ sở)	4620
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659(Chính)
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn, tiền kim khí, trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở)	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm) (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn, tiền kim khí, trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở)	4669
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
27.	Trồng cây lâu năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0129
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản, dịch vụ lấy lại tài sản, máy thu tiền đỗ xe, hoạt động đấu giá độc lập, quản lý và bảo vệ trật tự các chợ)(không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo, các tổ chức Đảng- Đoàn thể)	8559

32.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Không có bệnh nhân lưu trú)	8620
33.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động báo chí)	9000
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (Trừ gia công cơ khí,tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	9522
35.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
36.	Lập trình máy vi tính	6201
37.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6202
38.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
39.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
40.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết:kinh doanh bất động sản	6810
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn môi giới bất động sản(Trừ đấu giá ,tư vấn pháp luật)	6820
43.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, tài chính,kế toán)	7020
44.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
46.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ thiết kế công trình xây dựng,giám sát thi công,khảo sát chất lượng)	7410
48.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
49.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, không bao gồm hoạt động tư vấn chứng khoán và hoạt động báo chí)	7490
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710

51.	Bán buôn tổng hợp (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm) (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn,vàng miếng,súng,đạn,tiền kim khí,trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở)	4690
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn,vàng miếng,súng,đạn,tiền kim khí,trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở)	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
56.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
57.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (không hoạt động tại trụ sở và chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép)	0891
58.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
59.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
60.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (không hoạt động tại trụ sở)	1430
61.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không hoạt động tại trụ sở)	1512
62.	Sản xuất giày, dép (không hoạt động tại trụ sở)	1520
63.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
66.	In ấn (không hoạt động tại trụ sở, trừ in tráng bao bì kim loại,in ấn trên sản phẩm vải,sợi,dệt, may)	1811
67.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rèn ,dập khuôn tem)	1812
68.	Sao chép bản ghi các loại (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	1820
69.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở)	1920
70.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở)	2022

71.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512
72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở, trừ xử lý tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
73.	Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở)	2630
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2750
75.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4784
76.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, tiền kim khí, trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm))	4791
77.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, tiền kim khí, trừ buôn bán hóa chất tại trụ sở	4799
78.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
79.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
83.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
84.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012
85.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
86.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ h(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)óa lỏng khí để vận chuyển)	5022
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, bến bãi oto, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
90.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225

92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết:Dịch vụ đại lý giao nhận vận chuyển:Logistics (Trừ kinh doanh bến bãi ô tô ,hóa lỏng khí để vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
93.	Bưu chính (không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	5310
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết:Khách sạn,biệt thự du lịch,căn hộ du lịch,nhà nghỉ du lịch,nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê(không hoạt động tại trụ sở)	5510
95.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (chỉ hoạt động khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5621
97.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm hoạt động quán bar, giải khát có khiêu vũ,trừ cung cấp xuất ăn cho hãng hàng không)	5629
98.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm hoạt động quán bar ,vũ trường,karaoke...)	5630
99.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết:hoạt động sản xuất phim điện ảnh,sản xuất video,hoạt động sản xuất phim truyền hình(Trừ sản xuất phim,phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ;không sử dụng hiệu ứng chất nổ, chất cháy,hóa chất làm đạo cụ,dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện phim ảnh;+Trừ hoạt động báo chí theo Điều 14 Luật Báo chí)	5911
100.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ;không sử dụng chất nổ, chất cháy,hóa chất làm đạo cụ,dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ,sự kiện, phim ảnh)	5912
101.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: cho thuê máy móc,thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
103.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết:Hoạt động của các đại lý tư vấn giới thiệu và môi giới lao động, việc làm(trừ cho thuê lại lao động)	7810
104.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	7820
105.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cho thuê lại lao động)	7830

106.	Đại lý du lịch	7911
107.	Điều hành tua du lịch	7912
108.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (không bao gồm tổ chức họp báo)	7990
109.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết : Dịch vụ bảo vệ (Không bao gồm hoạt động bảo vệ của cơ quan nhà nước)	8010
110.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)	8110
111.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi , khử trùng)	8129
112.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
113.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
114.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
115.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
116.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	3250
117.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3312
118.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3313
119.	Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3314
120.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3315
121.	Sửa chữa thiết bị khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3319
122.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không gia công cơ khí, tái chế phế thải,xi mạ điện tại trụ sở)	3320
123.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời(không bao gồm mạng lưới điện quốc gia và các sản phẩm điện thuộc độc quyền nhà nước) (không hoạt động tại trụ sở)	3511
124.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho người sử dụng(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)	3512

125.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại trụ sở)	3520
126.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở và chỉ hoạt động khi được cơ quan thẩm quyền cấp phép)	3600
127.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
128.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
129.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
130.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
131.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
132.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
133.	Xây dựng nhà để ở	4101
134.	Xây dựng nhà không để ở	4102
135.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
136.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
137.	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo nghị định 94/2017 ND-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước)	4221
138.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
139.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
140.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
141.	Xây dựng công trình thủy	4291
142.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
143.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
144.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
145.	Phá dỡ (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
146.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
147.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
148.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
149.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
150.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang